TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-9-2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm

2. Ông Bùi Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2019 và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn, ông H quê ở Nam Định, không có điều kiện về làm thủ tục đăng ký kết hôn, sau khi chung sống đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết bà và ông H ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 22-11-2007. Khi ly hôn yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tài sản chung và tài sản nợ chung đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai tại bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ông Trần Văn H trình bày:

Công nhận lời khai của bà Nguyễn Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là hoàn toàn đúng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung Trần Quang H, sinh ngày 22-11-2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tài sản chung và tài sản nợ chung đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà T, không công nhận bà T và ông H là vợ chồng. Chấp nhận yêu cầu của bà T về giao con chung. Giao con chung Trần Quang H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H. Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H. Ông H hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi chung sống đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, bà T và ông H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng, hiện nay có mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà T và ông H quan hệ vợ chồng là phù hợp.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà T và ông H có 01 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 22-11-2007. Khi ly hôn yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cần ổn định cuộc sống của con chung, nguyện vọng của con chung, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và thỏa thuận của các bên nên cần giao con chung Trần Quang H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quang H, sinh ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0014375 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ